

**BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG**

**Tháng: 11**

**1. Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

**2. Ngày quan trắc:** 03 – 04/11/2021

**Ngày cung cấp TT:** 04/11/2021

**3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Như Trác	Công đóng.
2	2	Công Hữu Bị	Công mở.
3	3	Công Cốc Thành	Công mở.
4	4	Công sông Chanh	Công đóng.
5	5	Công Nhâm Tràng	Công đóng.
6	6	Công Kinh Thanh	Công đóng.
7	7	Công Cỏ Đam	Công đóng.
8	8	Công Vĩnh Trị	Công đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập đóng.
10	13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Công mở.
11	15	Đập Biên Hòa	Đập đóng.
12	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng.

**4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 20 vị trí

**5. Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

**Người cung cấp thông tin:** Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

**6. Đơn vị nhận thông tin:** Tổng cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

### Bảng tóm tắt:

**Cần cứ theo các quy chuẩn:** QCVN 08:2015 và kết quả đo đạc tại hiện trường, nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Cống Như Trác,**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Cốc Thành.**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Hữu Bị, Cổng Sông Chanh, Cổng Nhâm Tràng, Cổng Kinh Thanh, Cổng Cổ Đam, Cổng Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21), Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), TB Triệu Xá (sông Châu Giang), Đập La Chợ, Đập Biên Hòa, Đập Vùa (CG12), Cầu Chủ (sông Châu Giang), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đầu kênh T6.**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Dùng cho giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp: **Các vị trí đạt các giới hạn trên.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên: **Đầu kênh C19.**

**Chất lượng nước trên hệ thống hiện nay đảm bảo tiêu chuẩn cấp cho thủy lợi, tiếp tục duy trì chế độ đóng mở như hiện nay, tận dụng triều đưa nước vào hệ thống tăng cường khả năng tự làm sạch.**

### Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<b>QCVN 08:2015 A1</b>				6 – 8.5		6		0.3	2		
<b>QCVN 08:2015 A2</b>				6 – 8.5		5		0.3	5		
<b>QCVN 08:2015 B1</b>				5.5 – 9		4		0.9	10		
<b>QCVN 08:2015 B2</b>				5.5 – 9		2		0.9	15		
1	Cổng Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình	Trời nắng nhẹ, t° = 21°C, độ ẩm 100%, gió Đ 7 km/h, mật độ mây 94%. Không dòng chảy, cống đóng, TB không	7.35	35.1	6.13	0.2	0.256	0.506	341	Giá trị các chỉ tiêu nằm trong giới hạn A1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>			6 – 8.5		6		0.3	2			
<i>QCVN 08:2015 A2</i>			6 – 8.5		5		0.3	5			
<i>QCVN 08:2015 B1</i>			5.5 – 9		4		0.9	10			
<i>QCVN 08:2015 B2</i>			5.5 – 9		2		0.9	15			
		Lục.	hoạt động. Mục nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu vàng lục.								
2	Cổng Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng nhẹ, t° = 22°C, độ ẩm 100%, gió ĐB 8 km/h, mật độ mây 93%. Dòng chảy nhanh, cống mở tiêu nước ra sông. Nước màu vàng lục.	7.43	38.7	4.46	0.3	0.396	0.914	406	Giá trị các chỉ tiêu nằm trong giới hạn B1 cho phép
3	Cổng Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, t° = 23°C, độ ẩm 100%, gió ĐB 9 km/h, mật độ mây 94%. Dòng chảy vừa, đang tiêu nước ra sông. Cả tuần vừa rồi đều tiêu nước ra sông vào buổi sáng theo con nước. Nước vàng lục.	7.08	61.2	5.25	0.3	0.249	0.585	418	Giá trị các chỉ tiêu nằm trong giới hạn A2 cho phép
4	Cổng Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, t° = 25°C, độ ẩm 88%, gió ĐN 11 km/h, mật độ mây 94%. Cống đóng, không có dòng chảy. Nước màu vàng lục.	7.34	52.1	4.27	0.5	0.373	1.283	731	Giá trị các chỉ tiêu nằm trong giới hạn B1 cho phép
5	Cổng Nhâm Tràng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm	Trời nắng, t° = 26°C, độ ẩm 83%, gió ĐB 7 km/h, mật độ mây	7.56	48.3	4.21	0.3	0.303	0.720	526	Giá trị các chỉ tiêu nằm trong

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
		Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	94%. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước nội đồng thấp hơn ngoài sông. Nước màu vàng lục.								giới hạn B1 cho phép
6	Cống Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nắng, t° = 26°C, độ ẩm 84%, gió ĐB 8 km/h, mật độ mây 94%. Cống đóng, không có dòng chảy, mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Nước màu vàng đục.	7.58	42.1	4.32	0.3	0.311	0.765	513	Giá trị các chỉ tiêu nằm trong giới hạn B1 cho phép
7	Cống Cổ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời nắng, t° = 26°C, độ ẩm 84%, gió ĐB 7 km/h, mật độ mây 95%. Cống đóng, không có dòng chảy, mực nước ngoài sông thấp hơn nội đồng. Nước màu vàng lục.	7.19	43.2	4.09	0.2	0.287	1.418	347	Giá trị các chỉ tiêu nằm trong giới hạn B1 cho phép
8	Cống Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, t° = 26°C, độ ẩm 95%, gió ĐB 7 km/h, mật độ mây 95%. Không có dòng chảy. Vẫn đang sửa cống. Nước màu vàng lục.	7.26	46.1	4.12	0.3	0.357	1.170	467	Giá trị các chỉ tiêu nằm trong giới hạn B1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>			6 – 8.5		6		0.3	2			
<i>QCVN 08:2015 A2</i>			6 – 8.5		5		0.3	5			
<i>QCVN 08:2015 B1</i>			5.5 – 9		4		0.9	10			
<i>QCVN 08:2015 B2</i>			5.5 – 9		2		0.9	15			
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	Trời nắng nhẹ, t° = 24°C, độ ẩm 99%, gió ĐN 10 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy chậm hướng về sông Chanh. Chân cầu có bèo. Nước màu vàng lục.	7.08	54.7	4.92	0.3	0.311	0.743	446	Giá trị các chỉ tiêu nằm trong giới hạn B1 cho phép
10	Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, t° = 23°C, độ ẩm 100%, gió Đ 9 km/h, mật độ mây 99%. Nước đứng, không có dòng chảy, mực nước cao. Hai bên sông nhiều bèo. Nước màu nâu đục.	6.81	51.7	4.61	0.2	0.233	0.536	305	Giá trị các chỉ tiêu nằm trong giới hạn B1 cho phép
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Trời nắng, t° = 26°C, độ ẩm 84%, gió ĐB 7 km/h, mật độ mây 95%. Không có dòng chảy. Chân cầu có nhiều rác. Nước màu vàng lục.	7.12	46.5	4.34	0.2	0.280	0.716	402	Giá trị các chỉ tiêu nằm trong giới hạn B1 cho phép
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, t° = 23°C, độ ẩm 100%, gió Đ 9 km/h, mật độ mây 99%. Không có dòng chảy, đập đóng. Mực nước bên sông Sắt cao hơn bên sông Châu Giang.	6.93	44.7	4.64	0.2	0.241	0.797	313	Giá trị các chỉ tiêu nằm trong giới hạn B1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2015 A1</i>	6 – 8.5		6		0.3	2		
			<i>QCVN 08:2015 A2</i>	6 – 8.5		5		0.3	5		
			<i>QCVN 08:2015 B1</i>	5.5 – 9		4		0.9	10		
			<i>QCVN 08:2015 B2</i>	5.5 – 9		2		0.9	15		
			Nước màu nâu đục.								
13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm.	Trời nhiều mây, t° = 22°C, độ ẩm 100%, gió Đ 9 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm ra sông, công mở tiêu nước ra sông Châu. TB không hoạt động. Nước màu nâu đục.	6.81	51.7	4.34	0.4	0.210	0.758	566	Giá trị các chỉ tiêu nằm trong giới hạn B1 cho phép
14	Đập La Chờ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời nắng nhẹ, t° = 23°C, độ ẩm 100%, gió ĐB 9 km/h, mật độ mây 94%. Dòng chảy chậm từ hướng Châu Giang về. Dưới chân đập có nhiều rác thải sinh hoạt. Nước màu vàng lục.	7.03	48.5	4.58	0.3	0.357	0.630	427	Giá trị các chỉ tiêu nằm trong giới hạn B1 cho phép
15	Đập Biên Hòa	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, t° = 23°C, độ ẩm 100%, gió Đ 9 km/h, mật độ mây 100%. Không có dòng chảy, đập đóng. Mực nước hạ lưu cao hơn thượng lưu. Nước màu nâu đục.	6.93	63.9	4.63	0.2	0.132	0.567	317	Giá trị các chỉ tiêu nằm trong giới hạn B1 cho phép
16	Đập Vùa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nắng nhẹ, t° = 21°C, độ ẩm 100%, gió Đ 7 km/h, mật độ mây 94%.	6.97	37.1	4.74	0.3	0.210	0.668	480	Giá trị các chỉ tiêu nằm trong giới hạn B1 cho

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
			Không có dòng chảy, đập đóng. Nước màu vàng lục.								phép
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nhiều mây, t° = 22°C, độ ẩm 100%, gió Đ 9 km/h, mật độ mây 100%. Nước đứng, không có dòng chảy, mực nước trung bình. Hai bên sông nhiều rác thải. Nước màu xanh lục.	6.98	49.7	4.12	0.2	0.272	1.755	334	Giá trị các chỉ tiêu nằm trong giới hạn B1 cho phép
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời nắng, t° = 26°C, độ ẩm 85%, gió ĐB 8 km/h, mật độ mây 94%. Dòng chảy chậm về Cổ Đam. Hai bên bờ kênh nhiều bèo. Nước màu vàng lục.	7.28	40.4	4.95	0.3	0.186	1.463	377	Giá trị các chỉ tiêu nằm trong giới hạn B1 cho phép
19	Đầu kênh C19	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời nắng nhẹ, t° = 25°C, độ ẩm 89%, gió ĐN 10 km/h, mật độ mây 96%. Nước đứng, không có dòng chảy. Khu vực lấy mẫu nhận nước thải của Khu công nghiệp Bảo Minh. Nước màu vàng lục.	7.34	55.8	<b>3.77</b>	1.1	0.319	<b>22.500</b>	1350	Giá trị các chỉ tiêu nằm trong giới hạn B2 cho phép.  Giá trị DO thấp hơn giới hạn cho phép B1. Nitrat cao hơn giới hạn cho

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
											phép B2
20	Đầu kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, t° = 24°C, độ ẩm 90%, gió ĐN 9 km/h, mật độ mây 96%. Nước đứng, không có dòng chảy. Hai bên bờ có bèo và rác thải sinh hoạt. Nước màu vàng đục.	7.18	65.9	4.82	0.2	0.295	0.833	350	Giá trị các chỉ tiêu nằm trong giới hạn B1 cho phép

*Ghi chú:*

**QCVN 08:2015 A1:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

**QCVN 08:2015 A2:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

**QCVN 08:2015 B1:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

**QCVN 08:2015 B2:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2021

**ĐƠN VỊ QUAN TRẮC**